TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ GIA NGHĨA** **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2023/HSST
Ngày 12-7-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ GIA NGHĨA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yến.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà H'Loan và ông Lương Trường Giang.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Phạm Thị Thủy là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Gia Nghĩa tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lan Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 35/2023/TLST-HS, ngày 04 tháng 5 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2023/QĐXXST-HS, ngày 28 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa đối với bị cáo:

Trần Anh T, sinh năm: 1995, tại tỉnh Hà Tĩnh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố 6, thị trấn T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh; nơi ở hiện nay: Số 60A khu phố P, phường N, thành phố A, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn T1 *(đã chết)* và bà Nguyễn Thị L *(sinh năm 1956)*; có vợ là Nguyễn Thị H và 02 con *(con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2016)*; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ từ ngày 20/01/2023 sau đó chuyển tạm giam, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Gia Nghĩa , tỉnh Đắk Nông - Có mặt.

Bị hại: Chị Nguyễn Thị Thu T2, sinh năm 1984; địa chỉ: Tổ dân phố 9, phường T, thành phố N, tỉnh Đăk Nông – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người làm chứng: Bà Đinh Thị Thu K, sinh năm 1966; địa chỉ: Tổ dân phố 02, phường P, thành phố N, tỉnh Đăk Nông – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sáng ngày 20/01/2023, Trần Anh T điều khiển xe mô tô hiệu Yamaha, loại MX King, biển kiểm soát 38D1-311.18 của T chở theo con trai là Trần Hiếu M *(sinh năm 2016)* đi từ xã X, huyện S đến địa bàn thành phố N chơi. Tại đây, T đã cầm cố xe mô tô 38D1-311.18 lấy số tiền 15.000.000đ nạp vào tài khoản rồi dẫn cháu M đến quán cà phê 79 (*thuộc tổ dân phố 9, phường Nghĩa Thành, thành phố Gia Nghĩa, do chị Nguyễn Thị Thu T2 làm chủ*) ngồi uống cà phê và chơi Game. T ngồi chơi Game liên tục từ 09h00' đến 13h00' cùng ngày thì thua hết số tiền trong tài khoản *(do lo sợ bị vợ phát hiện nên T đã xóa toàn bộ ứng dụng Game trong điện thoại)*. Lúc này, do không có tiền để chuộc xe nên T nảy sinh ý định cướp tài sản của chị T2.

T ngồi chờ đến khoảng 13h50' cùng ngày thì thấy trong quán không còn khách, chỉ còn bố con T và chị T2 cùng 02 con gái nhỏ của chị T2 là cháu Đặng Bảo N *(sinh năm 2019)* và cháu Đặng Bảo B *(sinh năm 2017)* đang ngồi xem ti vi trong phòng ngủ thứ nhất. Nhân lúc chị T2 đang rửa ly chén ở khu vực bếp, T đi xuống bếp, lấy 01 con dao *(dài 31cm, cán bằng gỗ dài 12cm, bản dao rộng 6,1cm)* phía dưới kệ bếp đi đến phía sau chị T2, tay phải cầm dao vòng ra trước kề lưỡi dao vào cổ chị T2, tay trái giữ mũi dao nói: "*Đứng yên không tao giết cả nhà, không được la nếu không tao giết cả nhà*". Thấy vậy chị T2 đứng im không dám cử động, T nói tiếp "*Em vào đường cùng rồi không lo được cho con, giờ có bao nhiêu tiền đưa đây, nếu không muốn hai đứa nhỏ bị giết thì đưa tiền đây, có bao nhiêu đưa sạch*". Chị T2 đưa hai tay lên đẩy tay cầm dao của T ra ngoài và nói "*Nhà tôi sáng giờ không có tiền, quán ế, ông ngồi đây ông biết*" thì T quát "*Thả tay ra, nếu không sẽ giết con*", nghe vậy thì chị T2 thả tay xuống. Lúc này do sợ bị người khác phát hiện hành vi của mình nên T dùng dao khống chế, kéo chị T2 vào phòng ngủ thứ nhất của quán.

Tại đây, chị T2 lấy trong túi quần đang mặc ra số tiền 510.000đ *(gồm 02 tờ tiền mệnh giá 200.000đ, 02 tờ tiền mệnh giá 50.000đ và 01 tờ tiền mệnh giá 10.000đ)* đưa cho T và nói "*Từ sáng giờ bán được chừng này ông lấy đi*". T lấy tiền trên tay chị T2 và nói tiếp "*Đưa hết trong nhà ra*", vừa nói T vừa khống chế, kéo chị T2 qua phòng ngủ thứ hai. Tại đây, T yêu cầu chị T2 đưa thêm tiền thì chị T2 nói "*Nhà em mới ở quê vào, mới bị mất trộm nên không có tiền, ông nhìn xem, ông dí dao lộn người rồi, tôi bây giờ còn nghèo hơn cả ông*". Lúc này, hai con gái của chị T2 khóc nên T nói với chị T2 "*Nói con câm mồm không được khóc, tao giết cả ba mẹ con bây giờ*". Do sợ bị T giết hại nên chị T2 mở cửa tủ quần áo cho T xem và nói "*Ông xem đi, nhà tôi không có gì ngoài mấy đồng tiền này*". Thấy chị T2 không còn tiền nữa nên T thả chị T2 ra, ném con dao xuống nền phòng ngủ thứ nhất rồi dẫn cháu Trần Hiếu M bỏ đi. Trong khi khống chế lấy tiền của chị T2, do vội vã và lo sợ bị phát hiện nên T đã làm rơi 01 tờ tiền mệnh giá 10.000đ dưới nền phòng ngủ thứ nhất và tờ tiền mệnh giá 50.000đ dưới nền phòng ngủ thứ hai, T chỉ cầm theo số tiền 450.000đ của chị T2, số tiền này T đã sử dụng để mua đồ ăn, nước uống cho cháu M hết 393.000đ, còn lại 57.000đ T cất giữ trong người.

Sau khi T bỏ đi, chị T2 đã trình báo sự việc đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Gia Nghĩa. Đến khoảng 17h00'cùng ngày, khi T dẫn cháu M đến uống nước tại khu vực cầu Đắk Nông (*thuộc tổ dân phố 01, phường Nghĩa*

Thành, thành phố Gia Nghĩa) thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Gia Nghĩa tạm giữ để làm việc. Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, T đã thành khẩn khai báo, thể hiện thái độ ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình.

Quá trình điều tra, bị cáo đã tác động gia đình khắc phục số tiền 450.000đ đã chiếm đoạt cho chị T2, chị T2 có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại bản cáo trạng số: 40/CT-VKS-GN, ngày 25/4/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Gia Nghĩa đã truy tố bị cáo Trần Anh T về tội *"Cướp tài sản"*theo điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội và thừa nhận Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Gia Nghĩa truy tố đối với bị cáo là đúng, không oan.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Gia Nghĩa sau khi phân tích, đánh giá tính chất của vụ án, chứng M hành vi phạm tội của bị cáo cũng như các T2 tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trần Anh T phạm tội *"Cướp tài sản"*.

Về hình phạt: Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Trần Anh T từ 07 (*bảy*) năm đến 08 (*tám*) năm tù; đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ các điều 47, 48 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận việc Cơ quan CSĐT Công an thành phố Gia Nghĩa đã trả lại số tiền 117.000đ cho chị Nguyễn Thị Thu T2 là chủ sở hữu hợp pháp (*theo Quyết định xử lý vật chứng số 14/QĐ-CQĐT-ĐTTH, ngày 15/3/2023*).

- Trả lại cho chị T2 là chủ sở hữu hợp pháp 01 con dao do bị cáo sử dụng làm phương tiện phạm tội.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã tác động gia đình khắc phục số tiền 450.000đ đã chiếm đoạt cho chị T2, chị T2 không có yêu cầu gì thêm.

Bị cáo không bào chữa, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về tội danh: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ đã thu thập lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ pháp lý để kết luận: Vào khoảng 14h00' ngày 20/01/2023, tại tổ dân phố 9, phường Nghĩa Thành, thành phố Gia Nghĩa, Trần Anh T đã có hành vi dùng dao khống chế, cướp số tiền 510.000đ của chị Nguyễn Thị Thu T2.

Hành vi nêu trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội *"Cướp tài sản"* quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự. Cụ thể, Điều 168 Bộ luật hình sự quy định:

"*1. Người nào dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc hoặc có hành vi khác làm cho người bị tấn công lâm vào T2 trạng không thể chống cự được nhằm chiếm đoạt tài sản, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm.*

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

...

d) Sử dụng vũ khí, phương tiện hoặc thủ đoạn nguy hiểm khác;

...".

[3]. Về T2 tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có T2 tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo đã tác động gia đình khắc phục số tiền đã chiếm đoạt cho bị hại và được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt. Do đó, áp dụng các T2 tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật xã hội chủ nghĩa.

[4]. Về quyết định hình phạt: Xét tính chất vụ án do bị cáo gây ra là rất nghiêm trọng, trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu tài sản và quyền bất khả xâm phạm về tính mạng, sức khỏe, thân thể của người khác được pháp luật bảo vệ và ảnh hưởng xấu đến T2 hình an ninh, trật tự tại địa phương. Do đó, cần xử phạt bị cáo mức hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

Tuy nhiên, hành vi của bị cáo mang tính chất nhất thời không có chủ định trước, sau khi thực hiện hành vi, bị cáo đã biết sai vứt dao xin lỗi và trả lại tiền cho chị T2 nhưng chị T2 không nhận mà cho lại con bị cáo, thể hiện bị cáo biết ăn năn hối cải. Bị có có hai T2 tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự nên Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo mức hình phạt nhẹ hơn mức đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[5]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về mức hình phạt là có phần nghiêm khắc so với tính chất mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị về mức hình phạt.

Ngoài ra, bị cáo có hành vi dùng dao gây thương tích cho chị T2 nhưng chị T2 không yêu cầu giám định nên không đề cập xử lý. Bị cáo có hành vi chơi game thua hết 15.000.000đ nhưng không xác định được loại game vì bị cáo không nhớ và bị cáo cũng đã xóa toàn bộ ứng dụng game trên điện thoại nên không có căn cứ xem xét xử lý là phù hợp.

[6]. Về biện pháp tư pháp:

Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự và khoản 1, khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Gia Nghĩa trả lại số tiền 117.000 đồng cho chị Nguyễn Thị Thu T2 là chủ sở hữu hợp pháp là có căn cứ. Đối với con dao Trần Anh T sử dụng làm phương tiện phạm tội, là tài sản của chị T2 nên cần trả lại cho chị T2 là chủ sở hữu hợp pháp.

Về trách nhiệm dân sự: Chị T2 đã nhận số tiền 450.000 đồng do gia đình của bị cáo khắc phục và không có yêu cầu thêm nên không đề cập giải quyết.

[7]. Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có công việc ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Trần Anh T phạm tội "*Cướp tài sản*".

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo **Trần Anh T 06 (sáu) năm tù**, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 20/01/2023.

2. Về xử lý vật chứng, căn cứ khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự và khoản 1, khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Chấp nhận việc Cơ quan CSĐT Công an thành phố Gia Nghĩa đã trả lại số tiền 117.000đ cho chị Nguyễn Thị Thu T2 là chủ sở hữu hợp pháp (*theo Quyết định xử lý vật chứng số 14/QĐ-CQĐT-ĐTTH, ngày 15/3/2023*).

- Trả lại cho chị T2 là chủ sở hữu hợp pháp 01 con dao (*có đặc điểm nêu tại biên bản giao nhận vật chứng ngày 04/5/2023*).

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo toàn bộ bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND thành phố Gia Nghĩa;
- Công an thành phố Gia Nghĩa;
- Chi cục THADS Tp. Gia Nghĩa;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊNTÒA

(*đã ký tên, đóng dấu*)

Nguyễn Thị Yến